

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2733 /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Tiêu chuẩn Quốc gia

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố 166 TCVN (danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Tổng cục TĐC;
- Lưu VT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Quốc Thắng

DANH MỤC TIÊU CHUẨN QUỐC GIA (TCVN)

(Được công bố kèm theo Quyết định số 2733/QĐ-BKHCN ngày 09 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ KH&CN)

- | | | |
|-----|---|---|
| 1. | TCVN 7374 : 2004 | Chất lượng đất – Giá trị chỉ thị về hàm lượng phốt pho tổng số trong đất Việt Nam |
| 2. | TCVN 7373 : 2004 | Chất lượng đất – Giá trị chỉ thị về hàm lượng nitơ tổng số trong đất Việt Nam |
| 3. | TCVN 7369 : 2004
ISO/TR 11046 : 1994 | Chất lượng đất – Xác định hàm lượng dầu khoáng – Phương pháp phổ hồng ngoại và sắc ký khí |
| 4. | TCVN 7382 : 2004 | Chất lượng nước – Nước thải bệnh viện – Tiêu chuẩn thải |
| 5. | TCVN 7324 : 2004
ISO 5813 : 1983 | Chất lượng nước – Xác định oxy hòa tan – Phương pháp IOD |
| 6. | TCVN 7400 : 2004 | Bơ – Yêu cầu kỹ thuật |
| 7. | TCVN 7415 : 2004 | Quy phạm thực hành chiếu xạ tốt để kiểm soát các vi khuẩn gây bệnh và các vi khuẩn khác trong gia vị, thảo mộc và các loại rau thơm |
| 8. | TCVN 7416 : 2004 | Quy phạm thực hành chiếu xạ tốt để diệt côn trùng trong cá khô và cá khô ướp muối |
| 9. | TCVN 7434-1 : 2004
ISO 6259-1 : 1997 | Ống nhựa nhiệt dẻo – Xác định độ bền kéo
Phần 1: Phương pháp thử chung |
| 10. | TCVN 7432-2 : 2004
ISO 4802-2: 1988 | Dụng cụ bằng thủy tinh – Độ bền nước bề mặt trong của bao bì thủy tinh
Phần 2: Xác định bằng phương pháp quang phổ ngọn lửa và phân cấp |
| 11. | TCVN 7413 : 2004 | Quy phạm thực hành chiếu xạ tốt đối với thịt gia súc và thịt gia cầm đông gói sẵn (để kiểm soát mầm bệnh và/ hoặc kéo dài thời gian bảo quản) |
| 12. | TCVN 7408 : 2004
EN 1784 : 1996 | Thực phẩm – Phát hiện thực phẩm chiếu xạ đối với loại thực phẩm có chứa chất béo phân tích hydrocacbon bằng sắc ký khí |
| 13. | TCVN 7399 : 2004
CODEX STAN 174 : 1989 | Tiêu chuẩn chung cho các sản phẩm protein thực vật |
| 14. | TCVN 7398 : 2004 | Tương cà chua – Yêu cầu kỹ thuật |

15. TCVN 7397 : 2004 Tương ới – Yêu cầu kỹ thuật
16. TCVN 7396 : 2004 Bột canh giá vị – Yêu cầu kỹ thuật
17. TCVN ISO 9735-5 : 2004
ISO 9735-5 : 2002 Trao đổi dữ liệu điện tử trong quản lý hành chính, thương mại và vận tải (EDIFACT) – Các quy tắc cú pháp mức ứng dụng (Số hiệu phiên bản cú pháp : 4, số hiệu phát hành cú pháp : 1)
Phần 5: Quy tắc an ninh cho EDI lô (tính xác thực, tính toàn vẹn và không từ chối gốc)
18. TCVN ISO 9735-6 : 2004
ISO 9735-6 : 2002 Trao đổi dữ liệu điện tử trong quản lý hành chính thương mại và vận tải (EDIFACT) – Các quy tắc cú pháp mức ứng dụng (Số hiệu phiên bản cú pháp : 4, số hiệu phát hành cú pháp : 1)
Phần 6: Thông điệp xác thực và báo nhận an ninh (Kiểu thông điệp – Autack)
19. TCVN ISO 9735-7 : 2004
ISO 9735-7 : 2002 Trao đổi dữ liệu điện tử trong quản lý hành chính thương mại và vận tải (EDIFACT) – Các quy tắc cú pháp lớp ứng dụng (Số hiệu phiên bản cú pháp : 4, số hiệu phát hành cú pháp : 1) –
Phần 7: Quy tắc an ninh cho EDI lô (tính bảo mật)
20. TCVN ISO 9735-8 : 2004
ISO 9735-8 : 2002 Trao đổi dữ liệu điện tử trong quản lý hành chính, thương mại và vận tải (EDIFACT) – Các quy tắc cú pháp mức áp dụng (số hiệu phiên bản cú pháp: 4, số hiệu phát hành cú pháp: 1) –
Phần 8: Dữ liệu kết hợp trong EDI
21. TCVN ISO 9735-9 : 2004
ISO 9735-9 : 2002 Trao đổi dữ liệu điện tử trong quản lý hành chính, thương mại và vận tải (EDIFACT) – Các quy tắc cú pháp lớp ứng dụng (Số hiệu phiên bản cú pháp : 4, số hiệu phát hành cú pháp : 1) –
Phần 9: Thông điệp quản lý chứng chỉ và khóa an ninh (kiểu thông điệp – keyman)
22. TCVN ISO 9735-10 : 2004
ISO 9735-10 : 2002 Trao đổi dữ liệu điện tử trong quản lý hành chính, thương mại và vận tải (EDIFACT) – Các quy tắc cú pháp mức ứng dụng (Số hiệu phiên bản cú pháp: 4, số hiệu phát hành cú pháp: 1) –
Phần 10: Danh mục cú pháp dịch vụ
23. TCVN 7319-4 : 2004
ISO/IEC 9995-4 : 2002 Công nghệ thông tin – Bố trí bàn phím dùng cho hệ thống văn bản và văn phòng –
Phần 4: Khối số



- | | | |
|-----|---|--|
| 24. | TCVN 7319-3 : 2004
ISO/IEC 9995-3 : 2002 | Công nghệ thông tin – Bố trí bàn phím dùng cho hệ thống văn bản và văn phòng –
Phần 3: Bố trí bổ sung vùng chữ - số của khối chữ - số |
| 25. | TCVN 7454 : 2004 | Phân định và thu nhận dữ liệu tự động – Danh mục tên dữ liệu mô tả thương phẩm sử dụng mã số EAN.UCC |
| 26. | TCVN 7420-1 : 2004
ISO 15489-1 : 2001 | Thông tin và tư liệu – Quản lý hồ sơ –
Phần 1: Yêu cầu chung |
| 27. | TCVN 7420-2 : 2004
ISO/TR 15489-2 : 2001 | Thông tin và tư liệu – Quản lý hồ sơ –
Phần 2: Hướng dẫn |
| 28. | TCVN ISO 8439 : 2004
ISO 8439 : 1990 | Thiết kế biểu mẫu – Trình bày cơ bản |
| 29. | TCVN ISO/TS 16949 : 2004
ISO/TS 16949 : 2002 | Hệ thống quản lý chất lượng – Yêu cầu cụ thể đối với việc áp dụng TCVN ISO 9001 : 2000 tại tổ chức chế tạo ô tô và bộ phận dịch vụ liên quan |
| 30. | TCVN 7436 : 2004 | Phong bì sử dụng trong cơ quan hành chính |
| 31. | TCVN 7442 : 2004
ISO 3925 : 1978 | An toàn bức xạ – Chất phóng xạ hờ – Xác định và chứng nhận |
| 32. | TCVN 7443 : 2004
ISO 9978 : 1992 | An toàn bức xạ – Nguồn phóng xạ kín – Phương pháp thử nghiệm rò rỉ |
| 33. | TCVN 7411 : 2004
EN 1787 : 2000 | Thực phẩm – Phát hiện thực phẩm chiếu xạ bằng phương pháp quang phổ ESR đối với loại thực phẩm chứa xenluloza |
| 34. | TCVN 7410 : 2004
EN 1786 : 1996 | Thực phẩm – Phát hiện thực phẩm chiếu xạ đối với loại thực phẩm có chứa xương – Phương pháp quang phổ ESR |
| 35. | TCVN 7404 : 2004 | Sữa bột gầy – Yêu cầu kỹ thuật |
| 36. | TCVN 7406 : 2004 | Bánh ngọt không kem – Yêu cầu kỹ thuật |
| 37. | TCVN 7409 : 2004
EN 1785 : 1996 | Thực phẩm – Phát hiện thực phẩm chiếu xạ đối với loại thực phẩm chứa chất béo – Phân tích 2-alkylxyclobutanon bằng phương pháp sắc ký khí/quang phổ khối |
| 38. | TCVN 7428 : 2004
ISO 5404 : 2002 | Da – Phép thử cơ lý – Xác định độ bền nước của da cứng |

Handwritten signature

- | | | |
|-----|--|---|
| 39. | TCVN 7434-3 : 2004
ISO 6259-3 : 1997 | Ống nhựa nhiệt dẻo – Xác định độ bền kéo
Phần 3: Ống Polyolefin |
| 40. | TCVN 7433-1 : 2004
ISO 4440-1 : 1994 | Ống và phụ tùng bằng nhựa nhiệt dẻo – Xác định
tốc độ chảy khối lượng
Phần 1: Phương pháp thử |
| 41. | TCVN 7425 : 2004
ISO 2313 : 1972 | Vải dệt – Xác định sự hồi phục nếp gấp của mẫu
bị gấp ngang bằng cách đo góc hồi nhàu |
| 42. | TCVN 7430 : 2004 | Da – Xác định chất hòa tan trong ete etyl |
| 43. | TCVN 7423 : 2004
ISO 4920 : 1981 | Vải dệt – Xác định khả năng chống thấm ướt bề
mặt (phép thử phun tia) |
| 44. | TCVN 7421-1 : 2004
ISO 14184-1 : 1998 | Vật liệu dệt – Xác định formaldehyt –
Phần 1: Formaldehyt tự do và thủy phân (phương
pháp chiết trong nước) |
| 45. | TCVN 7421-2 : 2004
ISO 14184-2 : 1998 | Vật liệu dệt – Xác định formaldehyt –
Phần 2: Formaldehyt giải phóng (phương pháp
hấp thụ hơi nước) |
| 46. | TCVN 7426-1 : 2004
ISO 12945-1 : 2000 | Vật liệu dệt – Xác định xu hướng của vải đối với
hiện tượng xù lông bề mặt và vón kết –
Phần 1: Phương pháp dùng hộp thử vón kết |
| 47. | TCVN 7427 : 2004
ISO 5403 : 2002 | Da – Phép thử cơ lý – Xác định độ bền nước của
da mềm |
| 48. | TCVN 7379-1 : 2004
CISPR 18-1 : 1982 | Đặc tính nhiễu tần số radio của đường dây tải
điện trên không và thiết bị điện cao áp –
Phần 1: Mô tả hiện tượng |
| 49. | TCVN 5699-2-6 : 2004
IEC 60335-2-6 : 2002 | Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự –
An toàn –
Phần 2-6: Yêu cầu cụ thể đối với dây bếp, ngăn
giữ nóng, lò đặt tĩnh tại và các thiết bị tương tự |
| 50. | TCVN 5699-2-59 : 2004
IEC 60335-2-59 : 2002 | Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự –
An toàn –
Phần 2-59: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị diệt
côn trùng |
| 51. | TCVN 5699-2-51 : 2004
IEC 60335-2-51 : 2002 | Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự –
An toàn –
Phần 2-51: Yêu cầu cụ thể đối với bơm tuần |

		hoàn đặt tĩnh tại dùng cho các hệ thống nước sưởi và nước dịch vụ
52.	TCVN 5699-2-9 : 2004 IEC 60335-2-9 : 2002 WITH AMENDMENT 1 : 2004	Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự – An toàn – Phần 2-9: Yêu cầu cụ thể đối với lò nướng, lò nướng bánh mỳ và các thiết bị di động tương tự dùng cho nấu ăn
53.	TCVN 7341-4 : 2004 ISO 10472-4 : 1997	Yêu cầu an toàn cho thiết bị của xưởng giặt công nghiệp – Phần 4: Máy sấy giặt bằng khí nóng
54.	TCVN 7341-5 : 2004 ISO 10472-5 : 1997	Yêu cầu an toàn cho thiết bị của xưởng giặt công nghiệp – Phần 5: Máy là phẳng, máy cấp liệu và máy gấp
55.	TCVN 7341-6 : 2004 ISO 10472-6 : 1997	Yêu cầu an toàn cho thiết bị của xưởng giặt công nghiệp – Phần 6: Máy ép là và máy ép dán
56.	TCVN 7364-4 : 2004	Kính xây dựng – Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp – Phần 4: Phương pháp thử độ bền
57.	TCVN 7364-5 : 2004	Kính xây dựng – Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp – Phần 5: Kích thước và hoàn thiện cạnh sản phẩm
58.	TCVN 7364-6 : 2004	Kính xây dựng – Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp – Phần 6: Ngoại quan
59.	TCVN 5441 : 2004	Vật liệu chịu lửa – Phân loại
60.	TCVN 1452 : 2004	Ngói đất sét nung – Yêu cầu kỹ thuật
61.	TCVN 4440 : 2004	Supe phosphat đơn
62.	TCVN 3769 : 2004	Cao su thiên nhiên SVR – Quy định kỹ thuật
63.	TCVN 5438 : 2004	Xi măng – Thuật ngữ và định nghĩa
64.	TCVN 5178 : 2004	Quy phạm kỹ thuật an toàn trong khai thác và chế biến đá lộ thiên
65.	TCVN 5439 : 2004	Xi măng – Phân loại
66.	TCVN 7391-1 : 2004 ISO 10993-1 : 2003	Đánh giá sinh học trang thiết bị y tế –

Phần 1: Đánh giá và thử nghiệm

- | | | |
|-----|---|---|
| 67. | TCVN ISO 13485 : 2004
ISO 13485 : 2003 | Dụng cụ y tế – Hệ thống quản lý chất lượng – Yêu cầu đối với các mục đích chế định |
| 68. | TCVN 6663-15 : 2004
ISO 5667-15 : 1999 | Chất lượng nước – Lấy mẫu
Phần 15: Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu bùn và trầm tích |
| 69. | TCVN 6859-3 : 2004
ISO 11268-3 : 1999 | Chất lượng đất – Ảnh hưởng của các chất ô nhiễm lên giun đất
Phần 3: Hướng dẫn xác định ảnh hưởng trong điều kiện thực địa |
| 70. | TCVN 6096 : 2004 | Nước uống đóng chai |
| 71. | TCVN 6213 : 2004 | Nước khoáng thiên nhiên đóng chai |
| 72. | TCVN 1776 : 2004 | Hạt giống lúa – Yêu cầu kỹ thuật |
| 73. | TCVN 7334 : 2004
ISO 14964: 2000 | Rung động và chấn động cơ học – Rung động của các công trình cố định – Các yêu cầu riêng để quản lý chất lượng đo và đánh giá rung động |
| 74. | TCVN 7335 : 2004
ISO 9996 : 1996 | Rung động và chấn động cơ học – Sự gây rối loạn đến hoạt động và chức năng hoạt động của con người – Phân loại |
| 75. | TCVN 7370-1 : 2004
ISO 14869-1 : 2001 | Chất lượng đất – Hòa tan để xác định hàm lượng tổng số các nguyên tố –
Phần 1: Hòa tan bằng axit flohydric và percloric |
| 76. | TCVN 7371 : 2004
ISO 15178 : 2000 | Chất lượng đất – Xác định lưu huỳnh tổng số bằng đốt khô |
| 77. | TCVN 7375 : 2004 | Chất lượng đất – Giá trị chỉ thị về hàm lượng kali tổng số trong đất Việt Nam |
| 78. | TCVN 7376 : 2004 | Chất lượng đất – Giá trị chỉ thị về hàm lượng cacbon hữu cơ tổng số trong đất Việt Nam |
| 79. | TCVN 7377 : 2004 | Chất lượng đất – Giá trị chỉ thị pH trong đất Việt Nam |
| 80. | TCVN 7378 : 2004 | Rung động và chấn động – Rung động đối với công trình – Mức rung giới hạn và phương pháp đánh giá |
| 81. | TCVN 7184-1 : 2004
ISO 10079-1 : 1999 | Máy hút y tế – |

✓

		Phần 1: Máy hút dùng điện – Yêu cầu an toàn
82.	TCVN 7383-2 : 2004 ISO 12100-2 : 2003	An toàn máy – Khái niệm cơ bản, nguyên tắc chung cho thiết kế – Phần 2: Nguyên tắc kỹ thuật
83.	TCVN 7388-1 : 2004 ISO 9809-1 : 1999	Chai chứa khí – Chai chứa khí bằng thép không hàn có thể nạp lại được – Thiết kế, kết cấu và thử nghiệm Phần 1: Chai bằng thép tôi và ram có độ bền kéo nhỏ hơn 1100 MPa
84.	TCVN 7388-3 : 2004 ISO 9809-3 : 2000	Chai chứa khí – Chai chứa khí bằng thép không hàn có thể nạp lại được – Thiết kế, kết cấu và thử nghiệm Phần 3: Chai bằng thép thường hóa
85.	TCVN 6094 : 2004 ISO 3417 : 1991	Cao su – Xác định đặc tính lưu hóa bằng máy đo tốc độ lưu hóa đĩa dao động
86.	TCVN 6067 : 2004	Xi măng poóc lăng bền sun phát – Yêu cầu kỹ thuật
87.	TCVN 6089 : 2004 ISO 249 : 1995	Cao su thiên nhiên – Xác định hàm lượng chất bản
88.	TCVN 6068 : 2004	Xi măng poóc lăng bền sun phát – Phương pháp xác định độ nở sun phát
89.	TCVN 6091 : 2004 ISO 1656 : 1996	Cao su thiên nhiên và latex cao su thiên nhiên – Xác định hàm lượng nitơ
90.	TCVN 6092-1 : 2004 ISO 2930 : 1995	Cao su thiên nhiên – Xác định độ dẻo Phần 1: Xác định chỉ số duy trì độ dẻo (PRI)
91.	TCVN 6093 : 2004 ISO 4660 : 1999	Cao su thiên nhiên – Xác định chỉ số màu
92.	TCVN 7381 : 2004	Lò đốt chất thải rắn y tế – Phương pháp đánh giá thẩm định
93.	TCVN 7446-2 : 2004 ISO 4948-2 : 1981	Thép – Phân loại Phần 2: Phân loại thép không hợp kim và thép hợp kim theo cấp chất lượng chính và đặc tính hoặc tính chất sử dụng
94.	TCVN 7446-1 : 2004	Thép – Phân loại Phần 1: Phân loại thép không hợp kim và thép hợp kim trên cơ sở thành phần hóa học
95.	TCVN 7417-23 : 2004 ISO 61386-23 : 2002	Hệ thống ống dùng cho quản lý cấp –

Phần 23: Yêu cầu cụ thể – Hệ thống ống mềm.

- | | | |
|------|--|---|
| 96. | TCVN 7450 : 2004 | Xe đạp điện – Động cơ điện – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử |
| 97. | TCVN 7452-4 : 2004
ISO EN 514 : 2000 | Cửa sổ và cửa đi – Phương pháp thử –
Phần 4: Xác định độ bền góc hàn thanh profile U-PVC |
| 98. | TCVN 1046 : 2004
ISO 719 : 1985 | Thủy tinh – Độ bền nước của hạt thủy tinh ở 98 °C – Phương pháp thử và phân cấp |
| 99. | TCVN 7444-1 : 2004
ISO 7176-1 : 1999 | Xe lăn –
Phần 1: Xác định độ ổn định tĩnh |
| 100. | TCVN 7444-2 : 2004
ISO 7176-2 : 2001 | Xe lăn –
Phần 2: Xác định độ ổn định động lực học của xe lăn điện |
| 101. | TCVN 7449 : 2004 | Xe đạp điện – Ấc qui chì axit |
| 102. | TCVN 7445-1 : 2004 | Xi măng giếng khoan chủng loại G –
Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật |
| 103. | TCVN 7445-2 : 2004 | Xi măng giếng khoan chủng loại G –
Phần 2: Phương pháp thử |
| 104. | TCVN 7455 : 2004 | Kính xây dựng – Kính tôi nhiệt an toàn |
| 105. | TCVN 7456 : 2004 | Kính xây dựng – Kính cốt lưới thép |
| 106. | TCVN 7447-5-51 : 2004
IEC 60364-5-51 : 2001 | Hệ thống lắp đặt điện của các tòa nhà –
Phần 5-51: Lựa chọn và lắp đặt thiết bị điện – Quy tắc chung |
| 107. | TCVN 7419 : 2004
ASTM D 3242 – 01 | Nhiên liệu tuốc bin hàng không – Phương pháp xác định axit tổng |
| 108. | TCVN 7435-1 : 2004
ISO 11602-1 : 2000 | Phòng cháy, chữa cháy – Bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy –
Phần 1: Lựa chọn và bố trí |
| 109. | TCVN 7448 : 2004 | Xe đạp điện – Yêu cầu an toàn chung và phương pháp thử |
| 110. | TCVN 7444-6 : 2004
ISO 7176-6 : 2001 | Xe lăn –
Phần 6: Xác định vận tốc lớn nhất, gia tốc và gia tốc chậm dần của xe lăn điện |
| 111. | TCVN 7418 : 2004
ASTM D 1322- 02 | Nhiên liệu tuốc bin hàng không – Phương pháp xác định chiều cao ngọn lửa không khói |

JS

- | | | |
|------|---|--|
| 112. | TCVN 7435-2 : 2004
ISO 11602-2 : 2000 | Phòng cháy, chữa cháy – Bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy –
Phần 2: Kiểm tra và bảo dưỡng |
| 113. | TCVN 7341-1 : 2004
ISO 10472-1 : 1997 | Yêu cầu an toàn cho thiết bị của xưởng giặt công nghiệp –
Phần 1: Yêu cầu chung |
| 114. | TCVN 7341-2 : 2004
ISO 10472-2 : 1997 | Yêu cầu an toàn cho thiết bị của xưởng giặt công nghiệp –
Phần 2: Máy giặt và máy giặt- vắt |
| 115. | TCVN 7341-3 : 2004
ISO 10472-3 : 1997 | Yêu cầu an toàn cho thiết bị của xưởng giặt công nghiệp –
Phần 3: Dây chuyền máy giặt ống và các máy thành phần |
| 116. | TCVN 7364-3 : 2004 | Kính xây dựng – Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp –
Phần 3: Kính dán nhiều lớp |
| 117. | TCVN 7364-1 : 2004 | Kính xây dựng – Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp –
Phần 1: Định nghĩa và mô tả các vật liệu thành phần |
| 118. | TCVN 7387-1 : 2004
ISO 14122-1 : 2003 | An toàn máy – Phương tiện thông dụng để tiếp cận máy –
Phần 1: Lựa chọn phương tiện cố định để tiếp cận giữa hai mức |
| 119. | TCVN 7389 : 2004
ISO 13341 : 1997 | Chai chứa khí di động – Lắp van vào chai chứa khí |
| 120. | TCVN 7395-1 : 2004 | Phòng sạch sử dụng trong y tế –
Phần 1: Phân loại, thiết kế, xây dựng và chạy thử |
| 121. | TCVN 7342 : 2004 | Thép phế liệu dùng làm nguyên liệu sản xuất thép cacbon thông dụng – Phân loại và yêu cầu kỹ thuật |
| 122. | TCVN 7386 : 2004
ISO 13855 : 2002 | An toàn máy – Định vị thiết bị bảo vệ đối với vận tốc tiếp cận của các bộ phận cơ thể người |
| 123. | TCVN 7384-100 : 2004
ISO/TR 13849-100 : 2000 | An toàn máy – Bộ phận an toàn liên quan của hệ thống điều khiển –
Phần 100: Hướng dẫn sử dụng và ứng dụng
TCVN 7384-1 : 2004 |

Handwritten signature

- | | | |
|------|---|---|
| 124. | TCVN 7388-2 : 2004
ISO 9809-2: 2000 | Chai chứa khí – Chai chứa khí bằng thép không hàn có thể nạp lại được – Thiết kế, kết cấu và thử nghiệm –
Phần 2: Chai bằng thép tôi và ram có độ bền kéo lớn hơn hoặc bằng 1100 MPa |
| 125. | TCVN 7385 : 2004
ISO 13851 : 2002 | An toàn máy – Cơ cấu điều khiển hai tay – Khóa cạnh chức năng và nguyên tắc thiết kế |
| 126. | TCVN 7441 : 2004 | Hệ thống cung cấp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) tại nơi tiêu thụ – Yêu cầu thiết kế, lắp đặt và vận hành |
| 127. | TCVN 7383-1 : 2004
ISO 12100-1 : 2003 | An toàn máy – Khái niệm cơ bản, nguyên tắc chung cho thiết kế –
Phần 1: Thuật ngữ, phương pháp luận cơ bản |
| 128. | TCVN 7417-1 : 2004
IEC 61386-1 : 1996
WITH AMENDMENT 1 : 2000 | Hệ thống ống dùng cho quản lý cáp –
Phần 1 : Yêu cầu chung |
| 129. | TCVN 7452-1 : 2004
EN 1026 : 2000 | Cửa sổ và cửa đi – Phương pháp thử
Phần 1: Xác định độ lọt khí |
| 130. | TCVN 7452-2 : 2004
EN 1027 : 2000 | Cửa sổ và cửa đi – Phương pháp thử
Phần 2: Xác định độ kín nước |
| 131. | TCVN 7452-3 : 2004
ISO 6612 : 1980 | Cửa sổ và cửa đi – Phương pháp thử
Phần 3: Xác định độ bền áp lực gió |
| 132. | TCVN 7444-5 : 2004
ISO 7176-5 : 1986 | Xe lăn –
Phần 5: Xác định kích thước bao, khối lượng và không gian quay xe |
| 133. | TCVN 7451 : 2004 | Cửa sổ và cửa đi bằng khung nhựa cứng U-PVC – Quy định kỹ thuật |
| 134. | TCVN 7447-4-41 : 2004
IEC 60364-4-41 : 2001 | Hệ thống lắp đặt điện của các tòa nhà
Phần 4-41: Bảo vệ an toàn – Bảo vệ chống điện giật |
| 135. | TCVN 7447-4-43 : 2004
IEC 60364-4-43 : 2001 | Hệ thống lắp đặt điện của các tòa nhà
Phần 4-43: Bảo vệ an toàn – Bảo vệ chống quá dòng |
| 136. | TCVN 7447-1: 2004
IEC 60364-1 : 2001 | Hệ thống lắp đặt điện của các tòa nhà
Phần 1: Nguyên tắc cơ bản, đánh giá các đặc tính chung, định nghĩa |



- | | | |
|------|--|--|
| 137. | TCVN 7447-4-44 : 2004
IEC 60364-4-44 : 2003 | Hệ thống lắp đặt điện của các tòa nhà
Phần 4-44: Bảo vệ an toàn – Bảo vệ chống nhiễu điện áp và nhiễu điện từ |
| 138. | TCVN 7444-3 : 2004
ISO 7176-3 : 2003 | Xe lăn –
Phần 3: Xác định hiệu quả của phanh |
| 139. | TCVN 7444-4 : 2004
ISO 7176-4 : 1997 | Xe lăn –
Phần 4: Năng lượng tiêu thụ của xe lăn và xe scutor chạy điện dùng để xác định phạm vi quãng đường lý thuyết |
| 140. | TCVN 7429 : 2004 | Da – Xác định hàm lượng oxit crom bằng chuẩn độ iot |
| 141. | TCVN 7433-2 : 2004
ISO 4440-2 : 1994 | Ống và phụ tùng bằng nhựa nhiệt dẻo – Xác định tốc độ chảy khối lượng
Phần 2: Điều kiện thử |
| 142. | TCVN 7412 : 2004
EN 1788 : 2001 | Thực phẩm – Phát hiện thực phẩm chiếu xạ bằng phương pháp nhiệt phát quang đối với loại có thể tách khoáng silicat |
| 143. | TCVN 7434-2: 2004
ISO 6259-2 : 1997 | Ống nhựa nhiệt dẻo – Xác định độ bền kéo
Phần 2: Ống poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U), poly (vinyl clorua) clo hóa (PVC-C) và poly (vinyl clorua) chịu va đập cao (PVC-HI) |
| 144. | TCVN 7432-1 : 2004
ISO 4802-1 : 1988 | Dụng cụ bằng thủy tinh – Độ bền nước bề mặt trong của bao bì thủy tinh
Phần 1: Xác định bằng phương pháp chuẩn độ và phân cấp |
| 145. | TCVN 7402 : 2004 | Kem thực phẩm – Yêu cầu kỹ thuật |
| 146. | TCVN 7403 : 2004 | Thức ăn dành cho trẻ em từ 6 tháng đến 36 tháng tuổi – Yêu cầu kỹ thuật |
| 147. | TCVN 1047 : 2004
ISO 695 : 1991 | Thủy tinh – Độ bền ăn mòn đối với hỗn hợp dung dịch kiềm sôi – Phương pháp thử và phân cấp |
| 148. | TCVN 7401 : 2004 | Tiêu chuẩn chung đối với phomat |
| 149. | TCVN 7407 : 2004 | Ngũ cốc, đậu đỗ và hạt có dầu – Xác định aflatoxin bằng phương pháp sử dụng cột ái lực miễn dịch |

53

- | | | |
|------|---|--|
| 150. | TCVN 7431 : 2004
ISO 720 : 1985 | Thủy tinh – Độ bền nước của hạt thủy tinh ở 121 °C – Phương pháp thử và phân cấp |
| 151. | TCVN 7457 : 2004
ISO/IEC GUIDE 65 : 1996 | Yêu cầu chung đối với các tổ chức điều hành hệ thống chứng nhận sản phẩm |
| 152. | TCVN 7414 : 2004 | Quy phạm thực hành chiếu xạ tốt để kiểm soát vi khuẩn trong cá, đùi ếch và tôm |
| 153. | TCVN ISO 11180 : 2004
ISO 11180 : 1993 | Ghi địa chỉ bưu điện |
| 154. | TCVN ISO 6422 : 2004
ISO 6422 : 1985 | Mẫu trình bày tài liệu thương mại |
| 155. | TCVN 7319-7 : 2004
ISO/IEC 9995-7 : 2002 | Công nghệ thông tin – Bố trí bàn phím dùng cho hệ thống văn bản và văn phòng
Phần 7: Ký hiệu dùng để thể hiện chức năng |
| 156. | TCVN 5699-1 : 2004
IEC 60335-1 : 2001 | Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự – An toàn
Phần 1: Yêu cầu chung |
| 157. | TCVN 6451-1 : 2004 | Quy phạm phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc
Phần 1: Những quy định chung |
| 158. | TCVN 6451-2 : 2004 | Quy phạm phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc – Phần 2: Kết cấu thân tàu và trang thiết bị |
| 159. | TCVN 6451-3 : 2004 | Quy phạm phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc – Phần 3: Hệ thống máy tàu |
| 160. | TCVN 6451-4 : 2004 | Quy phạm phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc – Phần 4: Trang bị điện |
| 161. | TCVN 6451-5 : 2004 | Quy phạm phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc – Phần 5: Phòng cháy, phát hiện cháy, dập cháy và phương tiện thoát nạn |
| 162. | TCVN 6451-6 : 2004 | Quy phạm phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc – Phần 6: Tính nổi, ổn định, chia khoang |
| 163. | TCVN 6451-7 : 2004 | Quy phạm phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc – Phần 7: Mạn khô |
| 164. | TCVN 6451-8 : 2004 | Quy phạm phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc – Phần 8: Trang bị an toàn |
| 165. | TCVN 6451-9: 2004 | Quy phạm phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc – Phần 9: Tầm nhìn từ lầu lái |

166. TCVN 6451-10 : 2004

Quy phạm phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc –
Phần 10: Các quy định đặc biệt của tàu thủy cao
tốc hoạt động tuyến quốc tế

